

## **BÁO CÁO**

**Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế**

Thực hiện Công văn số 299/STTTT-CNTT, ngày 14/3/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI). Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thực hiện như sau:

### **PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW**

#### **I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

##### **1. Công tác học tập và quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức**

Sau khi Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế và các văn bản của Trung ương, của tỉnh được ban hành, Sở Giao thông vận tải đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền phổ biến đến đảng viên và quần chúng. Qua đó, đảng viên, quần chúng nâng cao nhận thức, ý thức về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.

##### **2. Công tác lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và trách nhiệm của người đứng đầu**

Căn cứ vào các nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014, hằng năm, Sở Giao thông vận tải đều xây dựng kế hoạch thực hiện ứng dụng Công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan, trong đó nêu cụ thể nội dung triển khai trong năm, kế hoạch phân đầu thực hiện; tập trung nâng cao công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị. Phân công 01 lãnh đạo Sở trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác ứng dụng Công nghệ thông tin.

##### **3. Công tác thể chế hóa**

Tham gia góp ý kiến các văn bản, cơ chế, chính sách về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

## **II. THỰC TRẠNG VỀ ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CNTT**

### **1. Kết quả đạt được**

#### ***1.1. Ứng dụng công nghệ thông tin***

Trong 05 năm qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị, áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan đã đạt được những kết quả cao trong quản lý và điều hành, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc hành chính và giảm thiểu thời gian, giấy tờ góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của cơ quan; cán bộ, công chức, viên chức đều có trình độ tin học nhất định, nên dễ dàng trong việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời có ý thức trách nhiệm cao trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để xử lý công việc chuyên môn và chủ động các biện pháp sao lưu dữ liệu kịp thời. Qua đó công tác chỉ đạo, điều hành luôn kịp thời và bám sát các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phù hợp với thực tế tại cơ quan. Cụ thể:

#### ***a) Hệ thống Văn phòng điện tử (eOffice)***

Hệ thống Văn phòng điện tử eOffice luôn được duy trì hoạt động ổn định và là công cụ chính để xử lý công việc chuyên môn của Sở, 100% công chức, viên chức tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở thường xuyên sử dụng phần mềm eOffice để xử lý công việc, soạn thảo, quản lý văn bản đi, đến (Trừ văn bản mật).

Tổng số văn bản ban hành qua hệ thống Văn phòng điện tử eOffice từ năm 2014 đến hết năm 2018: văn bản đến: 45.992; văn bản đi: 17.167

#### ***b) Quản lý và sử dụng chữ ký số***

Sau khi Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành cài đặt và bàn giao chữ ký số, Lãnh đạo Sở GTVT đã giao cho Văn phòng Sở, trực tiếp là văn thư quản lý và sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật phục vụ cho việc ký số ban hành văn bản đi của cơ quan. Việc quản lý, sử dụng phần mềm chữ ký số được thực hiện đầy đủ, đúng quy định; tất cả các văn bản điện tử khi gửi qua hệ thống eOffice đều được ký số để xác thực và bảo mật văn bản.

Tổng số văn bản đã ban hành và ứng dụng chữ ký số từ ngày năm 2014 đến hết năm 2018: 9.943 văn bản

#### ***c) Trang thông tin điện tử***

Sở Giao thông vận tải thực hiện đăng tải đầy đủ các thông tin của Ngành lên trang thông tin điện tử tại địa chỉ <http://sogtvt.langson.gov.vn/>.

#### ***d) Hệ thống dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử***

Thực hiện Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và một cửa điện tử trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2018 và những năm tiếp theo; Sở Giao thông vận tải hiện nay đã triển khai 22 TTHC cấp độ 3 đối với lĩnh vực cấp phụ hiệu, biển hiệu, giấy

phép kinh doanh vận tải, giấy phép liên vận quốc tế trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ <http://qlvt.mt.gov.vn/>, phần mềm Quản lý giấy phép lái xe của Tổng cục đường bộ Việt Nam, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến và Một cửa điện tử của tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.langson.gov.vn/>. Các TTHC còn lại của Sở đều được thực hiện ở cấp độ 2.

Đầu năm 2019, Sở Giao thông vận tải đã rà soát, đề xuất UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn. Trong đó sửa đổi, bổ sung 07 TTHC, bãi bỏ 03 TTHC theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh; thực hiện niêm yết, tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh 65 TTHC trên tổng số 77 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

*e) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh*

Việc sử dụng hòm thư điện tử công vụ được thực hiện theo Quyết định số 94/QĐ-SGTVT ngày 14/4/2015 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng thư điện tử công vụ của Sở Giao thông vận tải. Hiện nay, tài khoản thư điện tử công vụ Sở GTVT được cấp và thường xuyên sử dụng là 41 tài khoản.

*f) Các ứng dụng chuyên ngành*

Hiện tại Sở Giao thông vận tải đang sử dụng các phần mềm chuyên ngành khác như: Phần mềm MISA; Phần mềm Quản lý nhiệm vụ; phần mềm Quản lý, giám sát bảo trì đường bộ (GOVONE); Phần mềm thực hiện đấu thầu qua mạng (<http://muasamcong.mpi.gov.vn/>) Các phần mềm đều được sử dụng có hiệu quả và theo quy định hiện hành.

**1.2. Xây dựng hạ tầng thông tin**

Về hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan:

<b>TT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1</b>	<b>Trang bị máy tính (bao gồm máy tính để bàn, xách tay, máy tính bảng).</b>			
1.1	Tổng số máy tính	chiếc		
	Trong đó:			
	- Máy tính để bàn (Desktop)	chiếc	91	
	- Máy tính xách tay (Laptop)	chiếc	13	
	- Máy chủ	chiếc	3	
	- Tổng số CBCCVC được trang bị máy tính:	người	96	
	- Tỷ lệ CBCCVC được trang bị máy tính:	%	78,69	
<b>2</b>	<b>Cài đặt phần mềm diệt Virus bản quyền có trả phí:</b>			

	- Tổng số máy tính được cài đặt:	chiếc	95	01 máy thực hiện công tác soạn thảo văn bản BMNN
	- Tỷ lệ máy tính được cài đặt:	%	98,95	
<b>3</b>	<b>Tổng băng thông kết nối theo từng loại kết nối</b>	<b>Mbps</b>		
	- Leased Line	Mbps	32Mb	
	- FTTH	Mbps	32,768	
	- xDSL (ADSL và SDSL)	Mbps		
	- Băng rộng khác	Mbps		
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ máy tính kết nối Internet</b>	<b>%</b>	<b>88,78</b>	

### 1.3. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

TT	Nhân lực cho ứng dụng CNTT	ĐVT	Số liệu
<b>1</b>	<b>Tổng số cán bộ chuyên trách về CNTT tại cơ quan, đơn vị</b>	người	1
<b>2</b>	<b>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách CNTT:</b>		
	Tiến sỹ:	người	
	Thạc sỹ	người	1
	Cao đẳng	người	
	Đại học:	người	
	Trung cấp:	người	
	Khác	người	
<b>3</b>	<b>Kỹ năng ứng dụng CNTT các CBCC trong Tỉnh</b>		
	Tổng số CBCCVC có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp	người	122
	Tỷ lệ:	%	100

Hằng năm, Lãnh đạo Sở thường xuyên quan tâm cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

### 1.4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin:

Việc sử dụng các biện pháp áp dụng đảm bảo an toàn đối với các hệ thống thiết bị quan trọng: Hệ thống máy chủ được lắp đặt tại một phòng riêng biệt theo quy định, có cán bộ quản trị mạng theo dõi, quản lý hoạt động của hệ thống được thông suốt; máy tính có lưu trữ dữ liệu mật (Phục vụ công tác BMNN) được bố trí một máy tính riêng không có kết nối mạng internet, mạng LAN; hệ thống mạng và thiết bị an toàn mạng được đặt trong hệ thống các ống gen, hộp mạng; thiết bị lưu

trữ có thiết bị lưu trữ bảo vệ dữ liệu và sao lưu; sử dụng phần mềm diệt virus Kaspersky, Bkav cài đặt cho tất cả các máy tính; công tác đảm bảo an toàn trong việc sửa, hủy và thanh lý trang thiết bị được thực hiện theo quy định hiện hành.

### **1.5. Kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin:**

Việc đầu tư cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (*bằng nguồn chi thường xuyên*) trong giai đoạn 2014 đến hết năm 2018:

<i>Triệu đồng</i>				
Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
689.103.000	238.175.000	81.226.000	44.785.000	44.220.000

## **2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân**

### **a) Hạn chế, yếu kém:**

Nhận thức của một số công chức, viên chức về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, ngại thay đổi từ cách làm truyền thống sang ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn; việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan còn chậm do thiếu nhân lực. Một số máy tính có cấu hình thấp dẫn đến tốc độ đăng nhập và sử dụng các phần mềm chậm, phần nào ảnh hưởng đến quá trình xử lý công việc.

Do Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn đang áp dụng song song 03 phần mềm riêng biệt tại bộ phận Một cửa (Phần mềm của Bộ Giao thông vận tải; phần mềm của Tổng cục đường bộ Việt Nam; phần mềm Dịch vụ công trực tuyến Một cửa điện tử của tỉnh) gây ra khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai, sử dụng phần mềm và đem lại hiệu quả.

### **b) Nguyên nhân:**

Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nhìn chung triển khai còn thiếu đồng bộ, chưa kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng dẫn đến hiệu quả sử dụng các hệ thống thông tin chưa cao.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Đánh giá về công tác tổ chức thực hiện**

Ứng dụng công nghệ thông tin đã nâng cao hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần đẩy mạnh việc tự học tập, bồi dưỡng của cán bộ, công chức trong việc áp dụng các thành tựu của công nghệ thông tin vào hoạt động của cá nhân và cơ quan, đơn vị.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành công việc được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Ngành Giao thông vận tải Lạng Sơn. Tập thể lãnh đạo và cán bộ, công chức của Sở và các đơn vị trực thuộc Sở đều nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý điều hành trong đơn vị tương đối đồng đều.

Từng bước xây dựng nền hành chính của Sở Giao thông vận tải theo hướng hiện đại; triển khai ứng dụng CNTT gắn với chương trình cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tạo sự đổi mới, chuyên biến sâu sắc trong nhận thức và phương thức, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, giao dịch công dân và các tổ chức. Từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa.

## **2. Đánh giá tổng thể các kết quả, hạn chế và nguyên nhân việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin còn tồn tại một số hạn chế như vấn đề về kinh phí, một số thiết bị máy tính đã lỗi thời, không đảm bảo cấu hình, dung lượng để cập nhập phiên bản mới nên việc áp dụng phần mềm, công nghệ mới khi triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn.

Triển khai còn thiếu đồng bộ, chưa kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng, hệ thống dẫn đến hiệu quả sử dụng các hệ thống thông tin chưa cao.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

#### **1. Bối cảnh và yêu cầu**

*- Bối cảnh:*

Cuộc cách mạng về khoa học công nghệ 4.0 đang ảnh hưởng trực tiếp đến mọi hoạt động, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đòi hỏi việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan Nhà nước ngày càng quan trọng và cấp thiết.

*- Yêu cầu:*

Đảm bảo trang bị 100% máy tính làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc các phòng ban chuyên môn của Sở, 100% máy được kết nối Internet và mạng LAN (Trừ máy tính phục vụ BMNN); 100% các phòng, ban chuyên môn, đơn sự nghiệp trực thuộc Sở sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử eOffice; 80% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong công việc; 90% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hoàn toàn dưới dạng điện tử nhằm giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; tiếp tục nâng cấp và phát triển Trang thông tin điện tử; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Văn phòng điện tử eOffice.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước và giữa các cơ quan nhà nước, trong giao dịch của cơ quan nhà nước với tổ chức và cá nhân; hỗ trợ đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính.

#### **2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm**

**2.1. Khắc phục các hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 36-NQ/TW cần thực hiện các nhiệm vụ sau:**

- Về nâng cao nhận thức và vai trò của các cấp ủy Đảng: Mỗi người đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của bản thân và cơ quan đơn vị.

- Về hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật: Cần xây dựng chính sách hỗ trợ đặc thù đảm bảo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ kiêm nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.

- Về xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin: Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở thông tin còn thiếu và một số thiết bị đã lỗi thời.

- Về hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin: Ứng dụng công nghệ thông tin bước đầu thay đổi căn bản nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về một chính quyền điện tử, đồng thời xây dựng nên một ý thức tập thể về tự bồi dưỡng, hoàn thiện việc áp dụng công nghệ thông tin vào trong công việc của mỗi cá nhân và tập thể cơ quan, đơn vị. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến ở mức độ 3,4 nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin: Đảm bảo mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

## ***2.2. Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tế***

### ***a) Đề xuất***

Trong thời gian tới, cấp ủy và chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị cần tiếp tục tăng cường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ mà Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đã đề ra.

Tiếp tục nâng cấp các thiết bị máy tính tin học đã lỗi thời. Công chức, viên chức khi được tuyển dụng mới phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin đồng bộ, hiện đại; Ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi, thiết thực, có hiệu quả; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ và sáng tạo công nghệ mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, nâng cao năng lực quản lý các mạng viễn thông, truyền hình.

### ***b) Giải pháp:***

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách chế độ ưu đãi đối với công chức trực tiếp làm công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh.

- Triển khai nâng cấp ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành, tác nghiệp Văn phòng điện tử trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã.

- Đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ làm công nghệ thông tin; đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, hướng dẫn những kỹ năng tin học cơ bản và nâng cao đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên máy tính, trên mạng; sử dụng, khai thác hiệu quả các phần mềm ứng dụng.

- Rà soát, nâng cấp thiết bị máy tính đã lỗi thời. Bổ sung kinh phí, nâng cấp các Hệ thống dịch vụ công trực tuyến và Một cửa điện tử sao cho đồng bộ, thống nhất sử dụng 01 phần mềm chung, giảm thiểu khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai phần mềm và đem lại hiệu quả.

### **PHẦN THỨ III**

#### **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với Chính phủ và với các bộ, ngành**

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động ứng dụng CNTT phát triển theo hướng hiện đại và bền vững.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư ngân sách để hệ thống CNTT hiện thực hoá các chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, khắc phục những tồn tại, hạn chế, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong việc ứng dụng CNTT.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát định kỳ, có chế độ khen thưởng kịp thời các đơn vị có công tác ứng dụng CNTT chất lượng, hiệu quả.

#### **2. Đối với tỉnh**

Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng kiến thức về quản trị mạng, quản trị Trang thông tin điện tử, bảo mật, phần mềm Văn phòng điện tử eOffice, an toàn an ninh thông tin,...cho cán bộ phụ trách về CNTT tại các cơ quan, đơn vị.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) của Sở Giao thông vận tải gửi Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Sở TT&TT;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngọc Thiều**